TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2025
V/v: "*Không công nhận vợ chồng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Tình;

2. Bà Nguyễn Thị Thương.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Công Th1, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn Tô, xã CT, tỉnh TH, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Phạm Th T2, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn Tô, xã CT, tỉnh TH, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Công Th1 trình bày: Anh và chị Phạm Th T2 tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau này vợ chồng anh được ban thôn tuyên truyền về việc thực hiện thủ tục kết hôn nhưng do mải lo công việc, làm ăn nên không để ý đến để đi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã mặc dù đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân nhau

từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh đề nghị được ly hôn với chị Phạm Th T2.

Về con chung: Anh và chị T2 có 02 con chung là Trương Thuỳ Linh, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Công Bình, sinh ngày 07/9/1998. Con chung đã thành niên, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh và chị T2 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Th T2 trình bày: Chị và anh Th1 do tự nguyện tìm hiểu có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi lấy nhau, chị và anh chung sống cùng ông bà nội được khoảng 14 năm thì chị đi làm ăn. Từ khi chị đi làm ăn thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và vợ chồng bắt đầu ly thân nhau từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn nữa, anh Th1 đề nghị không công nhận chị và anh Th1 là vợ chồng chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh Th1 có 02 con chung là Trương Thuỳ Linh, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Công Bình, sinh ngày 07/9/1998. Con chung đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh Th1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Thạch ngày 07/11/2025 thể hiện: Anh Trương Công Th1 và chị Phạm Th T2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tô, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa. Qua tra cứu hồ sơ lưu trữ tại Uỷ ban nhân dân xã Cẩm Thạch thì anh Th1 và chị T2 sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh Th1 và chị T2 chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị không đề nghị hòa giải tại địa phương. Về con chung: Anh Th1 và chị T2 có 02 con chung là Trương Thuỳ Linh, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Công Bình, sinh ngày 07/9/1998, con chung nay đã thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Thanh Hoáphát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật TTDS 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trương Công Th1 và chị Phạm Th T2 là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Trương Thuỳ Linh, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Công Bình, sinh ngày 07/9/1998, đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét; Tài sản, công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc anh Th1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Trương Công Th1 và chị Phạm Th T2 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Tô, xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp không công nhận vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th1 và chị T2.

[4]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Th1, chị T2 là hôn nhân tự nguyện, anh chị chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống chung với nhau đến năm 2018 chị T2 đi làm ăn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cự. Nhận thấy tình cảm không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Th1 xin ly hôn. Chị Phạm Th T2 đồng ý theo yêu cầu của anh Th1, vợ chồng chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Th1 và chị T2 là không hợp pháp. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh Th1 và chị T2 là vợ chồng.

[4.1]. Về con chung: Anh Th1 và chị T2 có 02 con chung là Trương Thuỳ Linh, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Công Bình, sinh ngày 07/9/1998, đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4.2]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th1, chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Th1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trương Công Th1 và chị Phạm Th T2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Th1 và chị T2 có 02 con chung là Trương Thuỳ Linh, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Công Bình, sinh ngày 07/9/1998, đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Th1 và chị T2 tự thoả thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trương Công Th1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000400, ngày 19/8/2025, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hoá. Anh Th1 không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Công Th1, chị Phạm Th T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung